



Ký bởi Trung tâm Thông tin
Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Sơn La
Giờ ký: 2026-08-10T11:12:30.9796055+07:00



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 50

Ngày 05 tháng 08 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

20/07/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 35/NQ-HĐND về thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027.	2
20/07/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 36/NQ-HĐND kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.	18
20/07/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 37/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 4).	65

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 503/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 113/BC-KTNS ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027, như sau:

1. Tổng mức vốn dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027 là 8.074,7 tỷ đồng, cụ thể như sau:

1.1. Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương: 2.089,7 tỷ đồng.

Trong đó: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương 1.113,5 tỷ đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất 850 tỷ đồng; Nguồn thu xổ số kiến thiết 60 tỷ đồng; Nguồn bội chi ngân sách địa phương 66,2 tỷ đồng.

1.2. Nguồn vốn đầu tư công ngân sách Trung ương: 5.985 tỷ đồng, gồm:

- a) Vốn trong nước: 5.765 tỷ đồng, trong đó:
- Bố trí vốn thực hiện các dự án theo ngành, lĩnh vực: 2.338,3 tỷ đồng.
 - Bố trí vốn thực hiện các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh bền vững: 1.511,7 tỷ đồng.
 - Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.915 tỷ đồng.
- b) Vốn nước ngoài: 220 tỷ đồng.

2. Dự kiến phương án bố trí kế hoạch năm 2027

2.1. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương: 2.089,7 tỷ đồng, trong đó:

a) Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 1.113,5 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh (80%): 890,8 tỷ đồng.

- Ngân sách xã, phường (20%): 222,7 tỷ đồng.

b) Nguồn thu xổ số kiến thiết: 60 tỷ đồng.

c) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 850 tỷ đồng.

d) Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 66,2 tỷ đồng.

2.2. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương: 5.985 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn trong nước: 5.765 tỷ đồng.

- Thực hiện các dự án theo ngành, lĩnh vực: 2.338,3 tỷ đồng.

- Thực hiện các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh bền vững: 1.511,7 tỷ đồng.

- Thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.915 tỷ đồng.

b) Vốn nước ngoài (*vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA*): 220 tỷ đồng thực hiện 01 dự án chuyển tiếp và 01 dự án khởi công mới.

(có các biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

Biểu số 01
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026,
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027
(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2026			Nhu cầu kế hoạch năm 2027	Dự kiến kế hoạch năm 2027	Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG SỐ	5.963.130	2.531.918	5.963.130	8.074.700	8.074.700	
I	KẾ HOẠCH VỐN KÉO DÀI	798.838	554.621	798.838			
II	KẾ HOẠCH VỐN TRONG NĂM	5.164.292	1.977.297	5.164.292	8.074.700	8.074.700	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	2.568.400	783.385	2.568.400	2.089.700	2.089.700	
	Trong đó:						
-	Nguồn bổ sung cân đối	1.012.300	502.705	1.012.300	1.113.500	1.113.500	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	850.000	61.643	850.000	850.000	850.000	
-	Nguồn thu xổ số kiến thiết	58.000		58.000	60.000	60.000	
-	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	4.100		4.100	66.200	66.200	
-	Nguồn tăng thu và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025	644.000	219.037	644.000			
2	Vốn ngân sách trung ương	2.595.892	1.193.912	2.595.892	5.985.000	5.985.000	

STT	Nguồn vốn	Năm 2026			Nhu cầu kế hoạch năm 2027	Dự kiến kế hoạch năm 2027	Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027			
2.1	Vốn trong nước	2.471.692	1.193.912	2.471.692	5.765.000	5.765.000	
-	Thực hiện các dự án theo ngành, lĩnh vực	2.471.692	1.193.912	2.471.692	2.338.300	2.338.300	
-	Bố trí vốn thực hiện các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhanh bền vững				1.511.700	1.511.700	
-	Thực hiện các Chương trình MTQG				1.915.000	1.915.000	
+	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035				1.495.000	1.495.000	
+	Chương trình MTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035				100.000	100.000	
+	Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035				120.000	120.000	
+	Chương trình MTQG về giáo dục				200.000	200.000	
2.2	Vốn nước ngoài	124.200		124.200	220.000	220.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2026				Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030			Dự kiến kế hoạch 2027				Ghi chú						
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Kế hoạch		Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW					
																			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
4	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2025 - 2026	3052 01/12/2025	275.407		193.570	193.570	122.373	122.373	193.570	193.570	193.570			193.570							
5	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Lóng Phiêng	Xã Lóng Phiêng	2025 - 2026	3058 01/12/2025	254.526		177.960	177.960	108.092	108.092	177.960	177.960	177.960			177.960							
6	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	2025 - 2026	3051 30/11/2025	290.985	290.985	204.770	204.770	184.049	184.049	204.770	204.770	204.770			204.770							
7	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2025 - 2026	3093 04/12/2025	278.205	278.205	195.670	195.670	66.747	66.747	195.670	195.670	195.670			195.670							
8	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Mường Lèo	Xã Mường Lèo	2025 - 2026	3076 02/12/2025	217.056	217.056	152.420	152.420	26.950	26.950	152.420	152.420	152.420			152.420							
9	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương	2025 - 2026	3059 01/12/2025	250.707	250.707	175.820	175.820	47.867	47.867	175.820	175.820	175.820			175.820							

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2026			Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030				Dự kiến kế hoạch 2027				Ghi chú						
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Kế hoạch		Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027	Giai đoạn 2026 - 2030		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2026		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó:	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó:							
																		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
10	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Phiêng Păn	Xã Phiêng Păn	2025 - 2026	3056 01/12/2025	250.000	250.000	175.160	175.160	61.201	61.201	175.160	175.160	175.160										
11	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Phiêng Khai	Xã Phiêng Khai	2025 - 2026	3078 02/12/2025	272.077	272.077	206.430	206.430	60.874	60.874	206.430	206.430	206.430										
12	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2025 - 2026	3077 02/12/2025	279.656	279.656	214.010	214.010	140.700	140.700	214.010	214.010	214.010										
13	Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Lóng Sập	Xã Lóng Sập	2025 - 2026	3099 04/12/2025	284.618	284.618	218.432	218.432	38.796	38.796	218.432	218.432	218.432										
20	Dự án Bổ sung cơ sở vật chất cho Trường Chính trị tỉnh Sơn La		2027 - 2030		106.730	106.730							106.730						26.700	26.700			
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH				2.095.000	2.095.000							2.095.000						523.800	523.800			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2026				Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030				Dự kiến kế hoạch 2027				Ghi chú			
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch	Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027		Giai đoạn 2026 - 2030		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2026		Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ăng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ăng trước	Thanh toán nợ XDCB								
																	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La thành bệnh viện tỉnh đảm nhận chức năng vùng		2027 - 2030		2.095.000	2.095.000							2.095.000						523.800	523.800			
III	GIAO THỐNG				5.250.000	5.250.000							5.250.000						1.312.500	1.312.500			
1	Xây dựng đường IC7 (CT.03) - khu du lịch Quốc gia Mộc Châu		2027 - 2030		430.000	430.000							430.000						107.500	107.500			
2	Đầu tư, nâng cấp đường IC4 (CT.03) - khu du lịch Chiềng Yên		2027 - 2030		440.000	440.000							440.000						110.000	110.000			
3	Cải tạo, nâng cấp đường IC6 (CT.03) - Trung tâm Văn Hồ		2027 - 2030		240.000	240.000							240.000						60.000	60.000			
4	Tuyến đường từ nút 81 (giao đường 267) đến cao tốc CT.03 (Mộc Châu - Sơn La)		2027 - 2030		550.000	550.000							550.000						137.500	137.500			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2026			Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030				Dự kiến kế hoạch 2027				Ghi chú							
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Kế hoạch	Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027	Giai đoạn 2026 - 2030	Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2026			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW									
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó:									
															Thu hồi các khoản vốn ăng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ăng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ăng trước	Thanh toán nợ XDCB		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	
5	Dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.112 (Bắc Yên – Tả Xùa - Hàng Đòng), tỉnh Sơn La		2027 - 2030		640.000	640.000							640.000						160.000	160.000				
6	Cải tạo, nâng cấp QL.43 (QL.6 - Thác Dải Yếm)		2027 - 2030		200.000	200.000							200.000						50.000	50.000				
7	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 109 (Năm Păm - Ngọc Chiến) xã Ngọc Chiến, tỉnh Sơn La		2027 - 2030		420.000	420.000							420.000						105.000	105.000				
8	Cải tạo, nâng cấp ĐT.117B (Bản Mòng - Mường Chanh)		2027 - 2030		180.000	180.000							180.000						45.000	45.000				
9	Cải tạo, nâng cấp ĐT.108 (Thị trấn Chải - Cò Mạ)		2027 - 2030		510.000	510.000							510.000						127.500	127.500				
10	Đường tỉnh 117C (Chiềng Sơ - Púng Bính)		2027 - 2030		400.000	400.000							400.000						100.000	100.000				

TT	Danh mục dự án	Bìa điểm XD	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Năm 2026			Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030			Dự kiến kế hoạch 2027			Ghi chú							
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch	Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027		Giai đoạn 2026 - 2030	Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2026		Trong đó: NSTW		Dự kiến kế hoạch 2027						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
11	Xây dựng đường từ QL.6 Km 296 + 250 (Lê Duẩn) - QL.6 (tránh thành phố Sơn La)		2027 - 2030		160.000	160.000							160.000						40.000	40.000			
12	Cải tạo, nâng cấp QL.6 Km 179 + 00 -Km 187 + 940 (Cổng chào 64 - chân dốc Km 75)		2027 - 2030		410.000	410.000							410.000						102.500	102.500			
13	Đường giao thông liên xã Phù Yên - Suối Tọ		2027 - 2030		320.000	320.000							320.000						80.000	80.000			
14	Đường TK 4 - TK 14 xã Mai Sơn		2027 - 2030		350.000	350.000							350.000						87.500	87.500			
IV	QUỐC PHÒNG				255.000	255.000							255.000						63.800	63.800			
1	Dự án Đầu tư XD cơ sở hạ tầng cửa		2027 -		135.000	135.000							135.000						33.800	33.800			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2026				Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030				Dự kiến kế hoạch 2027				Ghi chú				
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch	Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027	Giai đoạn 2026 - 2030		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2026		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB						
																		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
			2030																				
2	Dự án Rà phá bom, mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026- 2028		2027 - 2030		120.000	120.000							120.000						30.000	30.000			
V	NÔNG LÂM NGHIỆP THỦY LỢI THỦY SẢN				810.000	810.000							810.000						202.500	202.500			
1	Công trình tiêu thoát lũ suối Múội xã Chiềng La		2027 - 2030		240.000	240.000							240.000						60.000	60.000			
2	Dự án Nâng cao năng lực quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Sơn La		2027 - 2030		120.000	120.000							120.000						30.000	30.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư		Năm 2026				Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030				Dự kiến kế hoạch 2027				Ghi chú					
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Kế hoạch	Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027	Giai đoạn 2026 - 2030		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2026		Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW						
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB				
																				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
3	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Chợ Lồng, xã Yên Sơn - Mái Sơn tỉnh Sơn La		2027 - 2030		250.000	250.000							250.000						62.500	62.500			
24	Kê chống sạt lở khu dân cư suối Nậm Bù, xã Mường Bù		2027 - 2030		200.000	200.000							200.000						50.000	50.000			
VI	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH				650.000	650.000							431.495						169.000	169.000			
1	Dự án đầu tư phát triển khu du lịch quốc gia Mộc Châu		2022 - 2027	2760 11/11/2021	300.000	300.000							81.495						81.500	81.500			
2	Dự án Tu bổ, tôn tạo, chỉnh xường cấp di tích quốc gia đặc biệt nhà tù Sơn La		2027 - 2030		200.000	200.000							200.000						50.000	50.000			

Dự án chuyển tiếp vừa giao hạn thời gian bố trí vốn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2026				Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030				Dự kiến kế hoạch 2027				Ghi chú				
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch	Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027		Giai đoạn 2026 - 2030		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2026		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW														
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
3	Dự án bổ sung cơ sở vật chất khu liên hợp thể thao tỉnh Sơn La		2027 - 2030		150.000	150.000													37.500	37.500			
VII	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ				160.000	160.000													40.000	40.000			
1	Trung tâm an ninh mạng tỉnh Sơn La		2027 - 2030		160.000	160.000													40.000	40.000			

Biểu số 03

TỈNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2026

VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2027 THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN KẾT NỐI, CÁC TÁC ĐỘNG LIÊN VÙNG CÓ Ý

NGHĨA THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NHANH, BỀN VỮNG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	0			Năm 2026			Dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030				Dự kiến kế hoạch 2027			
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/6/2026		Kế hoạch	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2027	Giai đoạn 2026 - 2027			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2026			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:						
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	TỔNG SỐ		68.552.000	68.014.000	0	0	0	0	64.942.550	0	0	0	1.511.700	0	0
1	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024; 2232 ngày 25/10/2024; 2776 ngày 25/12/2024	3.938.000	3.400.000					328.550				325.500		
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La (Giai đoạn 2)		5.026.000	5.026.000					5.026.000				1.171.400		
3	Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên (CT.03), địa phận tỉnh Sơn La		59.588.000	59.588.000					59.588.000				14.800		

Biểu số 05
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2026 - 2030 nguồn NSTW		Dự kiến kế hoạch năm 2027	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	TD: Đã giao năm 2026			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CTMQG					
	TỔNG SỐ			6.784.088	8.329.088	8.329.088	0	1.915.000		
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 -2035	2026-2030		6.784.088	6.784.088	6.784.088		1.495.000		
2	Chương trình MTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035	2026-2030			415.000	415.000		100.000		
3	Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035	2026-2030			480.000	480.000		120.000		
4	Chương trình MTQG về giáo dục	2026-2030			650.000	650.000		200.000		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36 /NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn
ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 512/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 113/BC-KTNS ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

I. TỔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG: 12.237,5 tỷ đồng, trong đó:

1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 5.700 tỷ đồng.
2. Nguồn thu xổ số kiến thiết: 294 tỷ đồng.

3. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 6.145,5 tỷ đồng.

4. Nguồn bồi chi ngân sách địa phương: 98 tỷ đồng.

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ

1. Theo cấp ngân sách

1.1. Ngân sách cấp tỉnh: 9.253,850 tỷ đồng.

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 4.560 tỷ đồng.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 294 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.301,850 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương: 98 tỷ đồng.

1.2. Ngân sách cấp xã: 2.983,650 tỷ đồng.

- Nguồn bổ sung cân đối: 1.140 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.843,650 tỷ đồng.

2. Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh: 9.253,850 tỷ đồng, cụ thể:

2.1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 4.560 tỷ đồng. Trong đó:

- Đối ứng các dự án ODA: 309,155 tỷ đồng.

- Trả nợ gốc vốn vay: 48,5 tỷ đồng.

- Tham gia thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP): 295,695 tỷ đồng.

- Bố trí thực hiện dự án hoàn thành và chuyển tiếp: 1.921,044 tỷ đồng.

- Bố trí thực hiện chính sách tính dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội: 100 tỷ đồng.

- Bố trí thực hiện các dự án khởi công mới: 326,55 tỷ đồng.

- Phân bổ chi tiết sau: 1.559,056 tỷ đồng.

2.2. Nguồn thu xổ số kiến thiết: 294 tỷ đồng. Trong đó:

- Bố trí thực hiện dự án hoàn thành và chuyển tiếp: 0,317 tỷ đồng.

- Bố trí thực hiện các dự án khởi công mới: 61,4 tỷ đồng.

- Phân bổ chi tiết sau: 232,283 tỷ đồng.

2.3. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.301,85 tỷ đồng. Trong đó:

- Bố trí thực hiện dự án hoàn thành và chuyển tiếp: 2.832,955 tỷ đồng.

- Bố trí thực hiện chính sách tính dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội: 300 tỷ đồng.

- Bố trí thực hiện các dự án khởi công mới: 47,12 tỷ đồng.

- Phân bổ chi tiết sau: 1.121,775 tỷ đồng.

2.4. Nguồn bồi chi ngân sách địa phương (*vay lại vốn nước ngoài các dự án ODA*): 98 tỷ đồng.

(chi tiết tại các Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030				Ghi chú
			Nguồn bổ sung cân đối	Nguồn thu xố số kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	
	TỔNG SỐ	12.237.500	5.700.000	294.000	6.145.500	98.000	
I	Ngân sách cấp tỉnh	9.253.850	4.560.000	294.000	4.301.850	98.000	
1	Đổi ứng các dự án ODA	309.155	309.155				Chi tiết tại biểu số 03
2	Trả nợ gốc vốn vay	48.500	48.500				Chi tiết tại biểu số 01
3	Tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)	295.695	295.695				Chi tiết tại biểu số 01
4	Dự án chuyển tiếp	4.754.316	1.921.044	317	2.832.955		Chi tiết tại biểu số 02a, 02b, 04, 06a, 06b
-	Cấp tỉnh quản lý	4.031.635	1.548.492	290	2.482.853		
-	Ngân sách huyện chuyển về	352.913	64.834	27	288.052		
-	Đổi ứng các CT MTQG chuyển tiếp	369.768	307.718		62.050		Biểu số 07
5	Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội	400.000	100.000		300.000		

TT	Nội dung	Tổng số	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030				Ghi chú
			Nguồn bổ sung cân đối	Nguồn thu xố số kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	
6	Bố trí dự án khởi công mới	533.070	326.550	61.400	47.120	98.000	Chi tiết tại biểu 02c, 04, 06c,
7	Phân bổ chi tiết sau	2.913.114	1.559.056	232.283	1.121.775		
II	Ngân sách cấp xã, phường	2.983.650	1.140.000		1.843.650		
1	Nguồn bổ sung cân đối	1.140.000	1.140.000				Chi tiết tại biểu số 08
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	1.843.650			1.843.650		

Biểu số 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH

THAM GIA THỰC HIỆN TRẢ NỢ GỐC VỐN VAY VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Tổng số	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối	
	TỔNG SỐ		344.195	344.195	
1	Trả nợ gốc vốn vay		48.500	48.500	
2	Tham gia thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)		295.695	295.695	
-	Trụ sở làm việc 9 tầng và 02 khối nhà 6 tầng thuộc khu trụ sở HĐND, UBND, UB MT TQVN tỉnh và một số sở ngành đoàn thể tỉnh Sơn La (thanh toán BLT)	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị	295.695	295.695	

Biểu số 02a
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI
NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN BỐ TRÍ CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối	Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối	
				Tổng số	TB: Nguồn ngân sách tỉnh					
	TỔNG SỐ			8.283.189	4.765.400	4.669.925	269.547	3.130.574	1.548.492	
I	Quy hoạch			12.800	12.800	1.000		10.350	10.350	
1	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	2599 22/10/2025	12.800	12.800	1.000		10.350	10.350	
III	Nông, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản			72.597	66.127	28.372	8.902	42.416	42.416	
1	Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất điểm tái định cư Tèn Pá Hu, bản Ta Ma, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu	UBND xã Mường Khiêng	903 21/4/2025	29.000	29.000	4.000	4.000	25.000	25.000	
2	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngảm, huyện Thuận Châu	UBND xã Chiềng La	902 21/4/2025	16.800	10.330	6.470		10.330	10.330	
3	Bố trí ổn định dân cư bản Huổi Nạ, xã Hua Trai, huyện Mường La.	UBND xã Chiềng Lao	1312 05/6/2025	13.359	13.359	4.902	4.902	6.648	6.648	
4	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai cấp bách do ảnh hưởng cơn bão số 3 bản Nhung Trên, Nhung Dưới xã Chiềng Nọi, huyện Mai Sơn	UBND xã Phiêng Cầm	1007 29/4/2025	13.438	13.438	13.000		438	438	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TB: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối	Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối	
IV	Cấp nước, thoát nước			40.000	40.000	10.000	10.000	30.000	30.000	
1	Cấp nước sinh hoạt cho các xã lân cận thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	131 16/01/2025	40.000	40.000	10.000	10.000	30.000	30.000	
V	Giao thông			7.490.457	3.990.457	4.524.043	188.816	2.455.390	948.405	
1	Tuyến đường Cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông; UBND xã Vân Hồ, UBND phường Mộc Sơn	2232 25/10/2024; 1999 24/9/2024; 2776 25/12/2024	4.938.000	1.438.000	3.062.309		1.538.000	538.000	
2	Dự án Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngần (đoạn Km 2 + 327 – Km 7 + 527), thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Sinh	2180 18/10/2024	130.000	130.000	100.446	65.446	29.554	29.554	
3	Dự án hoàn thiện tuyến đường giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ Cầu trắng đến tuyến 01A	UBND Phường Tô Hiệu	1414 21/8/2024	343.000	343.000	100.000	10.000	74.200	74.200	
4	Dự án ĐT.107C (từ xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu)	UBND xã Mường Chiên	503 05/3/2025	245.000	245.000	65.200		179.800	30.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	UBND xã Yên Châu, UBND xã Tạ Khoa	562 13/3/2025	700.000	700.000	258.815	28.200	441.185	100.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú		
			Tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	TB: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối		Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối
			Tổng số	TB: Nguồn ngân sách tỉnh								
6	Dự án Nâng cấp đường giao thông nội Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với QL.279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	1027 27/5/2021; 1788 18/7/2026	894.457	894.457	852.103		42.354	26.354			
7	Dự án Đường giao thông từ trung tâm xã Chiềng Muôn - xã Chiềng Ân, huyện Mường La (nay là xã Mường La, xã Chiềng Hoa)	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2815 12/5/2022	45.000	45.000	29.268	29.268	15.732	15.732			
8	Dự án Xây dựng tuyến đường Lê Đức Thọ - Phiêng Khá - trường Đại học Tây Bắc	UBND Phường Tô Hiệu	2477 21/11/2024	135.000	135.000	564	564	134.436	134.436			
9	Cầu cứng Năm Lạnh - Nậm Ca (giai đoạn II), huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	2733 09/11/2021	60.000	60.000	55.338	55.338	129	129			
VI	Công nghiệp, điện			168.000	168.000	28.560	10.000	139.440	126.000			
1	Dự án Di chuyển đường dây 110KV Mộc Châu - Mai Châu, Hoà Bình	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	89 13/01/2025	168.000	168.000	28.560	10.000	139.440	126.000			
VII	Hoạt động cơ quan quản lý nhà nước			423.686	423.686	23.850		399.836	338.179			
1	Cải tạo, xây dựng mới các công trình trong khuôn viên Tỉnh uỷ	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	2473 30/9/2025	423.686	423.686	23.850		399.836	338.179			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú		
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối		Tổng số	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối
VIII	Văn hóa, thông tin				75.649	64.330		54.100	53.142	53.142		
1	Khu di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	1091 31/5/2021		61.319	50.000		39.700	43.510	43.510		
2	Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Cây Me - Nơi thành lập chi bộ đầu tư tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	UBND huyện Mai Sơn	2782 15/11/2021		14.330	14.330		14.400	9.632	9.632		

Biểu số 02b

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH

BỔ TRÍ CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP CHUYỂN TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TD: Nguồn bổ sung cân đối	
				Tổng số					
	TỔNG SỐ			510.888	323.433	398.226	64.834	64.834	
I	Giao thông	11		169.756	92.200	125.851	22.715	22.715	
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ bản Chấm Pong đến cổng chào bản Nậm Nghiệp, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	2392 26/12/2024	18.106	18.106	16.363	1.519	1.519	
2	Nâng cấp đường Huổi Toi - Pa Hóc, xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	848 19/11/2024	12.500	12.500	1.866	393	393	
3	Cầu tràn qua suối Nậm Tia khu Huổi Phô đi bản Huổi My, xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	2189 16/12/2023	3.800	3.800	2.964	416	416	
4	Đường giao thông nội bản bản Chiềng Nua, bản Mường An xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	119 12/02/2025	3.500	3.500	1.925	1.095	1.095	
5	Đường giao thông nội bản Tà Lạc (Đường, Đập tràn qua suối) xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	110 10/02/2025	1.500	1.500	834	609	609	
6	Đường giao thông liên bản Lóng Khùa - Co Hó - Un xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	357 26/3/2025	10.000	10.000	5.500	4.284	4.284	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TD: Nguồn bổ sung cân đối	
				Tổng số					
7	Điểm đầu nối đường tránh QL37 với đường QL6 cũ tại Tiểu khu 3 xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	UBND xã Mai Sơn	1173 28/5/2021	2.250	2.250	4	2.245	2.245	
8	Tuyến đường từ ngã ba bản Bua Hin đi bản Huổi Bua xã Mường Hung	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2768 26/9/2024	9.300	9.300	7.300	438	438	
9	Xây dựng hệ phố trung tâm xã Mường Bú, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2045 15/11/2021	9.964	9.964	9.145	521	521	
10	Công trình đường giao thông bản Hua Piêng đi trung tâm xã Nậm Pấm	UBND huyện Mường La	2085 07/10/2024	21.280	21.280	10.166	11.115	11.115	
11	Đường từ tỉnh lộ 102 (khu vực Pa Cốp) qua các bản Lũng Xả, Tà Dê xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La đến xã Hang Kia, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	331 26/3/2020	77.556		69.784	80	80	
II	Công trình công cộng tại các đô thị	4		53.892	53.892	35.465	15.577	15.577	
1	Dự án Nghĩa trang nhân dân xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp (gđ 1)	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2188 16/12/2023	14.990	14.990	13.148	413	413	
2	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (Giai đoạn 4), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	UBND phường Mộc Châu	3294 15/12/2021	19.000	19.000	17.609	1.390	1.390	
3	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (vía hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng và cây xanh) tuyến đường nội bộ các nút giao 60-20; 20-18	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	1408 30/10/2018	11.402	11.402	4.395	5.587	5.587	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TD: Nguồn bổ sung cân đối		
4	Khu tái định cư Di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi	UBND xã Mai Sơn	1221 13/6/2022	8.500	8.500	313		8.187	8.187	
III	Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	3		29.990	29.990	19.601	11.733	8.663	8.663	
1	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ trường TH & THCS Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	84 23/01/2024	12.500	12.500	7.868		3.880	3.880	
2	Trường TH - THCS Tô Hiệu; Hạng mục: NLH 2 tầng 10 phòng	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3804 24/11/2023	7.300	7.300	6.738	6.738	170	170	
3	Trường THCS Lê Quý Đôn, thành phố Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	1271 15/6/2025	10.190	10.190	4.995	4.995	4.613	4.613	
IV	Y tế, dân số và gia đình	1		6.000	6.000	5.180	4.000	820	820	
1	Trạm y tế xã Gia Phù	Ban QLDA ĐTXD Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	2282 01/11/2024	6.000	6.000	5.180	4.000	820	820	
V	Quốc phòng	1		1.400	1.400	700	-	661	661	
1	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	712 14/6/2024	1.400	1.400	700		661	661	
VI	Nông, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản	5		219.488	109.588	184.980	91.295	13.136	13.136	
1	Kè chống sạt lở suối Tắc, huyện Phù Yên (giai đoạn 2)	UBND xã Phù Yên	414 12/3/2024	50.000	50.000	40.000	40.000	10.000	10.000	
2	Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở đất tại bản Dón, bản Tà Phù tại	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	798 21/4/2020	34.000	34.000	28.995	28.995	726	726	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TD: Nguồn bổ sung cân đối	
	khu tái định cư tập trung Pu Nhay, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ								
3	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Huổi Hẩu, xã Chiềng Lao	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1069 31/05/2021	13.902	13.902	12.102	587	587	
4	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Nong, xã Chiềng San, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2894 24/11/2021	11.687	11.687	10.198	1.256	1.256	
5	Dự án tái cơ cấu Nông Lâm sản vùng Chiềng Yên, Quang Minh, Xuân Nha	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	914 23/9/2016	109.900		93.685	567	567	
VII	Văn hóa, thông tin	2		6.563	6.563	4.911	1.446	1.446	
1	Điểm thông tin du lịch cộng đồng xã Ngọc Chiến	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2047 15/11/2021	4.713	4.713	3.861	766	766	
2	Nhà văn hóa xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu	1406 03/10/2024	1.850	1.850	1.050	680	680	
VIII	Tài nguyên, môi trường	1		20.000	20.000	17.849	1.706	1.706	
1	Dự án Khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1460 31/10/2017	20.000	20.000	17.849	1.706	1.706	
IX	Lĩnh vực khác	1		3.800	3.800	3.690	110	110	
1	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại chợ Trung tâm xã Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2189 16/12/2023	3.800	3.800	3.690	110	110	

Biểu số 02c
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN
BỔ SUNG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN BỐ TRÍ CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
			Tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	TB: Nguồn ngân sách tỉnh	TB: Nguồn bổ sung cân đối		Tổng số
			Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối						
	TỔNG SỐ		486.333	461.333		4.245	371.050	326.550		
I	Giao thông		293.845	268.845		782	182.100	182.100		
1	Dự án đường giao thông kết nối và Kè chống sạt lở Trường nội trú liên cấp Tiểu học và THCS Chiềng Khương, xã Chiềng Khương, tỉnh Sơn La		107.345	107.345	1286 29/5/2026		21.400	21.400		
2	Nâng cấp mặt đường, sửa chữa công trình trên tuyến đường từ Quốc lộ 6 - Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Ban Quản lý các khu công nghiệp (giao lập đề dự án)	80.500	80.500	934 16/4/2026		80.500	80.500		
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ cầu cứng Hải Sơn đến Bệnh viện đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	UBND xã Sông Mã (giao lập dự án)	45.000	45.000	2645 24/10/2025		45.000	45.000		

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	TB: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối	
				Tổng số					
4	Dự án cầu cứng qua Sông Mã đoạn Chiềng Cang bản Kéo xã Mường Hung	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	652 10/3/2026	61.000	36.000	782	35.200	35.200	
II	Du lịch			95.000	95.000	1.267	93.700	93.700	
5	Chỉnh trang, tôn tạo hạ tầng du lịch tại các điểm du lịch trên địa bàn phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La	UBND phường Mộc Châu (giao lập dự án)	901 09/4/2026	20.000	20.000		20.000	20.000	
6	Xây dựng Sân Lễ hội Đền thờ vua Lê Thái Tông, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	UBND phường Tô Hiệu (giao lập dự án)	516 13/2/2026	45.000	45.000	692	44.300	44.300	
7	Chỉnh trang, tôn tạo hạ tầng du lịch tại khu trung tâm xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La	UBND xã Tà Xùa (giao lập dự án)	1012 24/4/2026	30.000	30.000	575	29.400	29.400	
III	Khoa học, công nghệ			86.700	86.700	2.196	84.500	40.000	
8	Dự án Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Sơn La, giai đoạn 2025 - 2028	Văn phòng Tỉnh ủy (giao lập dự án)	444 09/02/2026	86.700	86.700	2.196	84.500	40.000	
IV	Công trình công cộng tại các đô thị			2.150	2.150		2.150	2.150	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối	Tổng số	TB: Nguồn bổ sung cân đối		
				Tổng số		TB: Nguồn ngân sách tỉnh				
9	Cổng vòm, điện trang trí tuyến phố Nông Luông và các hạng mục khác	UBND xã Thuận Châu	2851 13/11/2025	2.150	2.150			2.150	2.150	
V	Y tế dân số và gia đình			8.638	8.638	-	-	8.600	8.600	
1	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp hạ tầng CNTT thuộc Đề án triển khai Mô hình Bệnh viện thông minh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	694 15/4/2024	8.638	8.638			8.600	8.600	

Biểu số 03

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

NGUỒN BỔ SUNG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng												
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
			Số quyết định	TMDT					Tổng số	TD: Nguồn bổ sung cân đối		
				Vốn đối ứng		Trong đó:						
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Quy đổi ra tiền Việt		Trong đó:				
						Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					
	TỔNG SỐ			1.710.928	318.960	0	1.391.938	1.016.228	98.089	309.155		
I	Dự án chuyển tiếp			391.701	21.925	0	369.746	133.425	0	12.102		
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	6326/BNNMT-HTQT ngày 04/9/2025	140.880	7.425		133.425	133.425		2.202	2.202	Quyết toán hoàn thành
2	Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế	Sở Tài chính	2487 28/11/2022	250.821	14.500		236.321			9.900	9.900	

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định	TMDT					Tổng số	TD: Nguồn bổ sung cân đối	
				Trong đó:							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Quy đổi ra tiền Việt				
	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					
	sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Sơn La giai đoạn 2(Great 2 Sơn La)			1.319.227	297.035	0	1.022.192	882.803	98.089	297.053	
II	Dự án khởi công mới										
1	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	362 27/02/2024	348.727	87.835		260.892	234.803	26.089	87.853	
2	Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình DDCN&PTĐT	157 NQ-HĐND ngày 10/01/2023	970.500	209.200		761.300	648.000	72.000	209.200	

Biểu số 04
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng										
TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	TĐ: Nguồn thu xổ số kiến thiết	Tổng số	TĐ: Nguồn thu xổ số kiến thiết		
				TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh						
	Tổng số			80.300	80.300	10.980	10.980	294.000	294.000	
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP			18.900	18.900	10.980	10.980	317	317	
I	Y tế, dân số và gia đình			17.000	17.000	9.400	9.400	290	290	
1	Trung tâm y tế huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	3236 25/12/2021	17.000	17.000	9.400	9.400	290	290	
II	Nông, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản			1.900	1.900	1.580	1.580	27	27	
1	Xây dựng mới thủy lợi Nà Tở bản Cao Đa 1	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1493 29/10/2024	1.900	1.900	1.580	1.580	27	27	
B	Dự án khởi công mới			61.400	61.400	0	0	293.683	293.683	
I	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			61.400	61.400	0	0	61.400	61.400	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Nguồn thu xổ số kiến thiết	Tổng số	TĐ: Nguồn thu xổ số kiến thiết	
1	Dự án nhà bán trú học sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Dồm Càng, xã Púng Bành	Ban QLDA ĐTXD các công trình DDCN và PTĐT (giao lập dự án)	629 08/3/2026	15.000	15.000			15.000	15.000	
2	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Điểm THCS - trường PTDTBT Tiểu học và THCS Suối Tọ	Ban QLDA ĐTXD các công trình DDCN và PTĐT (giao lập dự án)	1657 05/7/2026	46.400	46.400			46.400	46.400	
II	Phân bổ chi tiết sau							232.283	232.283	

Biểu số 05

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định	TMDT					Tổng số	TD: Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
				Vốn đối ứng		Trong đó:					
						Vốn ODA					
						Quy đổi ra tiền Việt					
						Tổng số		Trong đó: vốn NSTW	Trong đó:		
Tổng số	Vay lại										
	TỔNG SỐ			1.319.227	297.035	0	1.022.192	882.803	98.089	98.000	
1	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	362 27/02/2024	348.727	87.835		260.892	234.803	26.089	26.000	
2	Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình DDCN & PTĐT	157 NQ-HĐND ngày 10/01/2023	970.500	209.200		761.300	648.000	72.000	72.000	

ĐVT: Triệu đồng

Biểu số 06a
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
BỐ TRÍ CÁC DỰ ÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			TMDT		Tổng số	TB: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
	TỔNG SỐ			11.072.502	6.408.245	6.887.325	580.925	3.641.386	2.482.853
I	Khu công nghiệp và khu kinh tế			285.504	185.504	246.945	36.441	38.559	38.559
1	Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I)	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	2732 08/11/2006; 651 24/3/2017	285.504	185.504	246.945	36.441	38.559	38.559
II	Công trình công cộng tại các đô thị			238.958	238.958	168.525	41.670	72.484	72.484
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Bệnh viện Đa khoa Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2737 25/10/2017	55.846	55.846	41.670	41.670	6.227	6.227
2	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật Đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND phường Vân Sơn	2887 24/11/2021	180.000	180.000	126.855		63.145	63.145

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			TMDT		Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
3	Dự án Khu trưng bày và giới thiệu nông sản xã Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn II)	UBND xã Yên Châu	2879 14/11/2025	3.112	3.112		3.112	3.112	
III	Giao thông			9.214.447	4.886.448	5.872.491	373.002	2.805.521	2.111.167
1	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND phường Chiềng Cơi	1426 04/8/2023	160.000	160.000	114.158	126.839	33.161	33.161
2	Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND phường Mộc Châu	2108 31/8/2021	600.000	257.282	416.401	38.683	183.599	183.599
3	Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	UBND xã Mai Sơn	2841 19/11/2021	500.000	187.001	355.590	22.591	144.410	144.410
4	Đường nội thị thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	UBND xã Bắc Yên	280 23/02/2023	198.979	198.979	177.507	50.757	21.472	21.472
5	Đường từ quốc lộ 6 qua tiểu khu vườn đào, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thông Cuồng, xã Vân Hồ huyện Vân Hồ	UBND phường Vân Sơn	1093 31/5/2021	44.950	44.950	31.789	13.070	15.763	15.763

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	TB: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất		
6	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2237 25/10/2024	108.000	108.000	98.773	28.773	9.000	9.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 105 (đoạn Km 55 + 600 – Km 60 + 343), huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	UBND xã Mường Lèo	1257 28/6/2024	24.800	24.800	15.000	15.000	9.800	9.800	
8	Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn nông trường Mộc Châu	UBND phường Thảo Nguyên	2176- 09/9/2021	95.000	95.000	65.877		29.000	29.000	
9	Dự án Đường nội thị dọc Kè suối Muội, hệ thống thoát lũ và các hạng mục phụ trợ tại thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	UBND xã Thuận Châu	1113 14/5/2025	50.000	50.000	17.000	10.000	33.000	33.000	
10	Dự án ĐT.107C (từ xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu)	UBND xã Mường Chiên	503 05/3/2025	245.000	72.718	65.200	15.200	179.800	149.800	
11	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ Cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông;	277 NQ-HĐND ngày	4.938.000	1.438.000	3.062.309		1.538.000	1.000.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh	TMDT	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
		UBND huyện Mộc Châu, UBND Vân Hồ	19/12/2023								
12	Dự án hoàn thiện tuyến giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ cầu trắng đến tuyến 1A)	UBND thành phố	283 NQ-HĐND ngày 31/01/2024	343.000	343.000		50.000				
13	Dự án đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	UBND xã Yên Châu, UBND xã Tạ Khoa	562 13/3/2025	700.000	700.000		258.815	28.200	441.185	341.185	
14	Cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 107 đoạn Km0 + Km30	Sở Giao thông, Vận tải (nay là Sở Xây dựng)	1077 10/5/2010; 1781 04/7/2014	285.639	285.639		268.079		122.444	122.444	
15	Dự án Nâng cấp đường giao thông nối Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với QL. 279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	1027 27/5/2021; 1788 18/7/2026	894.457	894.457		852.103		42.354	16.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
16	Đường từ Quốc lộ 43 đi khu dân cư và khu sản xuất bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1087 31/5/2021	26.622	26.622	23.889	23.889	2.533	2.533	
IV	Nông lâm nghiệp thủy lợi thủy sản			466.220	309.220	354.902	74.402	115.950	115.950	
1	Thoát lũ khu vực Chiềng Sinh về Trung tâm thành phố Sơn La (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2647 29/10/2021	79.782	79.782	60.051	48.551	6.500	6.500	
2	Dự án Kè chống sạt lở khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1939 28/9/2023	118.800	118.800	113.000	23.000	1.663	1.663	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	TB: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
3	Dự án Kè suối Nậm La, thành phố Sơn La, giai đoạn II (đoạn từ hồ Tuổi Trẻ đến cầu Tông Panh)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2046 23/8/2016; 1540 01/8/2024; 708 28/3/2025	267.638	110.638	181.851	2.851	107.787	
V	Cấp nước, thoát nước			50.000	50.000	23.694	0	16.000	
1	Hệ thống thoát nước đô thị Mộc Châu	UBND Phường Thảo nguyên	2759 11/11/2021	50.000	50.000	23.694		16.000	
VI	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			76.787	76.787	72.000	0	4.700	
1	Dự án Trường THCS xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	594 15/3/2025	42.521	42.521	40.000		2.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số		TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TB: Ngân sách tỉnh					
2	Dự án Điểm trường bản Đèo Chẹn thuộc trường PTDTBT tiểu học Hua Nhàn, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2397 15/11/2024	34.266	34.266	32.000	2.200	2.200		
VII	Hoạt động cơ quan quản lý nhà nước			468.586	468.586	36.850	431.736	93.557		
1	Dự án xây dựng Trụ sở hành chính Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	2162 27/8/2025	44.900	44.900	13.000	31.900	31.900		
2	Dự án Cải tạo, xây dựng các công trình trong khuôn viên Tỉnh uỷ	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	2473 30/9/2025	423.686	423.686	23.850	399.836	61.657		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
VIII	Quốc phòng			83.000	3.742	79.258	0	96	96	
1	Dự án Đầu tư xây dựng cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu quốc tế	Ban Chỉ huy Bội đội biên phòng	2755 24/12/2024	83.000	3.742	79.258		96	96	
IX	Văn hóa, thể thao và du lịch			21.000	21.000	4.100	0	16.900	16.900	
1	Nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện Quỳnh Nhai	UBND xã Quỳnh Nhai	522 06/3/2025	21.000	21.000	4.100		16.900	16.900	
X	Công nghiệp, điện			168.000	168.000	28.560	18.560	139.440	13.440	
1	Dự án Di chuyển đường dây 110KV Mộc Châu - Mai Châu, Hoà Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	89 13/01/2025	168.000	168.000	28.560	18.560	139.440	13.440	

Biểu số 06b

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT BỐ TRÍ CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ CŨ CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh			
	TỔNG SỐ			861.879	861.726	498.953	228.678	288.052		
I	Khu công nghiệp và khu kinh tế			10.953	10.800	7.068	0	3.885		
1	Hạ tầng Cụm công nghiệp Mộc Châu; Hạng mục: Đường nội bộ, tường rào	UBND phường Vân Sơn	2108 20/9/2019	10.953	10.800	7.068		3.885		
II	Công trình công cộng tại các đô thị			384.137	384.137	181.815	35.431	131.690		
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng và san nền khu đất đầu giá Khu trung tâm hành chính (lô đất ODB16, ODB17 cạnh Trung tâm Y tế huyện), tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	UBND phường Mộc Châu	632 15/3/2024	35.000	35.000	21.838		2.162		
2	Hạ tầng khu đầu giá đường Quốc lộ 6 vào trường THPT Thảo Nguyên, thị trấn Nông trường Mộc Châu	UBND phường Vân Sơn	2820 07/11/2024	29.000	29.000	14.862		14.000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
3	Khu TĐC cư dự án Trung tâm chính trị - hành chính huyện và các dự án khác	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	970 15/5/2025	11.500	11.500	11.500	9.255	1.083	1.083	1.083	
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn bản Mòn, xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2255 07/5/2024	1.300	1.300	1.300	519	263	263	263	
5	Chính trang đô thị thị trấn Thuận Châu (hạng mục vườn hoa cây xanh)	UBND xã Thuận Châu	5001 25/11/2024	1.430	1.430	1.430	1.200	130	130	130	
6	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và san nền khu dân cư tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu (khu đất hợp tác xã Hợp Nhất)	UBND phường Mộc Sơn	2712 22/10/2024	24.000	24.000	24.000	7.766	16.234	16.234	16.234	
7	Hạ tầng khu đầu giá tiểu khu 3-2, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện	Ban QLDA ĐTXD Mộc	2397 14/09/2021	14.693	14.693	14.693	11.492	1.167	1.167	1.167	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
				TĐ: Ngân sách tỉnh							
	Mộc Châu	Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT									
8	Mương thoát nước tại thượng lưu Cổng Ông Sỏ, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	774 29/3/2024	4.000		4.000	2.296		2.900	2.900	
9	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đất đấu giá trung tâm hành chính mới; Hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2565 25/9/2024	30.000		30.000	22.551		2.600	2.600	
10	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu	UBND phường Mộc Sơn	1742 31/10/2022	14.183		14.183	3.818	3.818	8.069	8.069	
11	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (giai đoạn 4), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND phường Mộc Châu	3294 15/12/2021	19.000		19.000	3.547		13.446	13.446	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		TĐ: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							
12	Hạ tầng nghĩa trang nhân dân xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	155 21/01/2025	4.350		4.350	4.125		200	200	
13	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (giai đoạn 3), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	372 09/02/2021	6.493		6.493	5.537		956	956	
14	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	UBND phường Mộc Châu	3294 15/12/2021	19.000		19.000	6.439		12.561	12.561	
15	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu, hạng mục: Cây xanh	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3591 7/12/2023	13.100		13.100	9.452		2.189	2.189	
16	Hạ tầng bến xe khách Mộc Châu và khu dân cư lân cận	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu	1215 15/8/2021	25.000		25.000	17.501		6.737	6.737	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		TĐ: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							
17	Mở rộng khu dân cư mới phường Quyết thắng	thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2505 07/11/2024	31.000		31.000	23.328	23.328	6.790	6.790	
18	Khu tái định cư Di tích lịch sử ngã ba Cò Nòi	UBND phường Tô Hiệu	1221 13/6/2022	8.500		8.500	313		8.187	8.187	
19	San nền, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Hưng Mai, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2320 25/4/2022	48.500		48.500	15.976		31.127	31.127	
20	Quảng trường, vườn hoa tại khu vực phía trước Trụ sở Thành ủy, HDDN, UBND thành phố Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2237 09/10/2024	28.088		28.088			87	87	
21	Hệ thống điện trang trí các tuyến đường Trung tâm thành phố Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	688 08/4/2025	16.000		16.000			802	802	
III	Giao thông			48.532		48.532	32.713	0	14.244	14.244	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		TĐ: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							
1	Cầu cứng thay thế cầu treo (tại đường 19/5), thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	UBND xã Sông Mã	5065 02/10/2023	26.902		26.902	15.500		11.400	11.400	
2	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (giai đoạn 2), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2477 29/10/2019	14.731		14.731	12.500		1.346	1.346	
3	Cầu treo bản Ké Tèo, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1630 16/8/2023	2.200		2.200	1.798		182	182	
4	Cầu qua suối Giăng đi bản Bó Hiêng, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1631 16/8/2023	4.700		4.700	2.915		1.316	1.316	
IV	Nông lâm nghiệp thủy lợi thủy sản			67.272		67.272	33.540	0	32.444	32.444	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TB: Ngân sách tỉnh						
1	Kè bờ hữu Sông Mã (đoạn từ cầu cứng về phía thượng lưu 520m), huyện Sông Mã.	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3716 30/10/2017	40.372	40.372		13.032		27.339	27.339	
2	Dự án bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1071 31/5/2021	26.900	26.900		20.508		5.105	5.105	
V	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			135.394	135.394		104.808	60.860	29.207	29.207	
1	Dự án trường Mầm non Quyết Thắng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2497 03/10/2025	30.000	30.000		24.500	9.500	5.500	5.500	
2	Dự án trường Mầm non Bé Vần Đàn, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	1882 28/7/2025	35.000	35.000		24.500	9.500	10.500	10.500	
3	Trường THCS Chiềng Khoang, xã Chiềng Khoang, huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA	2730 16/9/2024	7.000	7.000		5.687	4.687	1.065	1.065	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		TĐ: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							
		ĐTXD các công trình NN&PTNT									
4	Trường MN Hoa Hồng Chiềng Khương, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2727 16/9/2024	5.500		5.500	4.090	3.090	1.096	1.096	
5	Dự án Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường THCS Hua La và mua sắm thiết bị cho các trường học năm 2025 - 2026	UBND phường Chiềng Cơi	3191 11/12/2025	7.100		7.100	4.000	4.000	3.100	3.100	
6	Nhà bán trú điểm trường trung tâm trường PTDT BT Tiểu học Mường Lạn, xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1364 19/11/2024	12.494		12.494	11.948		295	295	
7	Trường TH&THCS Chiềng Ngần A, Thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Sinh	787 23/04/2025	16.500		16.500	11.903	11.903	4.597	4.597	
8	Trường TH và THCS Chiềng Ngần B, thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Sinh	754 21/04/2025	11.800		11.800	10.466	10.466	1.334	1.334	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TB: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số		TB: Nguồn thu tiền sử dụng đất
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)								
9	Trường Tiểu học và THCS Quyết tâm (điểm trường Tiểu học)	UBND phường Tô Hiệu	564 22/4/2025	10.000	10.000			7.714	7.714	1.720	1.720	
VI	Hoạt động cơ quan quản lý nhà nước			215.590	215.590			139.008	132.387	76.582	76.582	
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	UBND xã Mai Sơn	1751 16/8/2018	185.590	185.590			132.387	132.387	53.203	53.203	
2	Hội trường trung tâm Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	UBND xã Mai Sơn	1751 16/8/2021	30.000	30.000			6.621		23.379	23.379	

Biểu số 06c

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT BỐ TRÍ CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số		TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh					
	TỔNG SỐ			89.598	89.598	2.474	0	87.120	47.120	
I	Lĩnh vực khác			2.898	2.898	278	0	2.620	2.620	
1	Khu trưng bày và giới thiệu nông sản xã Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn II)		2879 14/11/2025	2.898	2.898	278		2.620	2.620	
II	Khoa học công nghệ			86.700	86.700	2.196	0	84.500	44.500	
2	Dự án Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Sơn La, giai đoạn 2025 - 2028	Văn phòng Tỉnh ủy (giao lập dự án)	444 09/02/2026	86.700	86.700	2.196		84.500	44.500	

ĐVT: Triệu đồng

Biểu số 07

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

VỐN NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN ĐỐI ỨNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng														
STT	Danh mục Chương trình/dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đối ứng)			Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Vốn NSTW	Đối ứng	Tổng số	Trong đó				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW					NSDP	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn bổ sung cân đối		
	Tổng số			712.167	209.895	502.272	301.637	208.135	93.503	369.768	62.050	307.718		
1	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) - xã Chiềng Khay (bản Nà Mùn) huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA ĐT XD các công trình NN&PTNT	2667 09/12/2023	183.242	29.152	154.090	99.452	29.152	70.300	44.790		44.790		
2	Đường giao thông xã Chiềng Dong - Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐT XD các công trình NN&PTNT	1306 04/7/2024	134.900	44.832	90.068	44.832	44.832		90.068		90.068		
3	Đường giao thông liên xã bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐT XD các công trình NN&PTNT	2520 25/11/2023	71.280	24.080	47.200	24.080	24.080		47.200		47.200		

STT	Danh mục Chương trình/dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đối ứng)			Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Đối ứng	Tổng số	Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW					Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn bổ sung cân đối		
4	Đường giao thông từ bản Hua Chiến, xã Chiềng Muôn đến đập thủy điện Nậm Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN& PTNT	1489 28/7/2024	150.750	28.000	122.750	28.000	28.000	122.750		122.750		
5	Cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	UBND xã Kim Bon	576 14/3/2025	54.700	26.288	28.412	41.836	26.288	15.548	12.864	12.864		
6	Đầu tư cứng hóa đường giao thông từ bản Bua Hín - trung tâm xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	UBND xã Mường Hung	2016 26/9/2024	34.846	18.846	16.000	18.846	18.846		16.000	16.000		
7	Cứng hóa đường từ bản Suối Gà - Chè Mè đến trung tâm xã Mường Bang, huyện Phù Yên	UBND xã Mường Bang	778 04/4/2025	21.360	13.623	7.737	19.287	13.623	5.664	2.072	2.072		
8	Đường giao thông bản Hua Piêng đi trung tâm xã Nậm Pấm	UBND xã Mường La	865 16/4/2025	21.280	10.166	11.114	10.166	10.166		11.114	11.114		

STT	Danh mục Chương trình/dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đối ứng)			Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Vốn NSTW	Đối ứng	Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	NSĐP					Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn bổ sung cân đối	
9	Cứng hóa đường giao thông từ bản Tồng Cầu (bản Suối Tàu cũ) đến trung tâm xã Mường Thái, huyện Phù Yên	UBND xã Mường Cời	661 25/3/2025	6.809	3.707	3.102	3.898	3.707	191	2.910		2.910	
10	Đường từ bản Huổi Siếu – bản Na Pản kết nối đến Trung tâm xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	UBND xã Yên Châu		33.000	11.200	21.800	11.240	9.440	1.800	20.000		20.000	

Biểu số 08
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH PHÂN CẤP CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng			
TT	Xã, phường	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
	Tổng số	1.140.000	
1	Phường Tô Hiệu	14.040	
2	Phường Chiềng An	12.850	
3	Phường Chiềng Cơi	12.690	
4	Phường Chiềng Sinh	12.160	
5	Phường Mộc Châu	12.480	
6	Phường Mộc Sơn	10.490	
7	Phường Vân Sơn	10.370	
8	Phường Thảo Nguyên	10.880	
9	Xã Đoàn Kết	15.050	
10	Xã Lóng Sập	15.110	
11	Xã Chiềng Sơn	14.390	
12	Xã Tân Yên	13.470	
13	Xã Quỳnh Nhai	19.310	
14	Xã Mường Chiên	16.230	
15	Xã Mường Giôn	15.450	

TT	Xã, phường	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
16	Xã Mường Sại	11.830	
17	Xã Thuận Châu	19.830	
18	Xã Chiềng La	13.880	
19	Xã Nậm Lầu	17.610	
20	Xã Muối Nội	14.260	
21	Xã Mường Khiêng	19.670	
22	Xã Co Mạ	16.960	
23	Xã Bình Thuận	12.020	
24	Xã Mường É	14.570	
25	Xã Long Hẹ	12.880	
26	Xã Mường Bám	12.900	
27	Xã Mường La	20.060	
28	Xã Chiềng Lao	18.030	
29	Xã Mường Bú	17.640	
30	Xã Chiềng Hoa	18.070	
31	Xã Ngọc Chiến	14.250	
32	Xã Bắc Yên	16.850	
33	Xã Tà Xùa	15.450	
34	Xã Tạ Khoa	14.580	
35	Xã Xím Vàng	14.580	

TT	Xã, phường	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
36	Xã Pắc Ngà	13.680	
37	Xã Chiềng Sại	11.290	
38	Xã Phù Yên	18.380	
39	Xã Gia Phù	13.490	
40	Xã Tường Hạ	12.810	
41	Xã Mường Cơi	13.410	
42	Xã Mường Bang	15.920	
43	Xã Tân Phong	12.550	
44	Xã Kim Bon	13.010	
45	Xã Suối Tọ	13.310	
46	Xã Yên Châu	18.630	
47	Xã Yên Sơn	14.400	
48	Xã Phiêng Khoài	13.970	
49	Xã Chiềng Hặc	15.080	
50	Xã Lóng Phiêng	13.920	
51	Xã Chiềng Mai	14.670	
52	Xã Mai Sơn	15.640	
53	Xã Chiềng Sung	12.610	
54	Xã Tà Hộc	11.830	
55	Xã Phiêng Pàn	21.190	

TT	Xã, phường	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
56	Xã Chiềng Mung	13.950	
57	Xã Phiêng Cầm	18.480	
58	Xã Mường Chanh	11.000	
59	Xã Bó Sinh	14.880	
60	Xã Sông Mã	15.210	
61	Xã Huổi Một	15.000	
62	Xã Chiềng Sơ	12.950	
63	Xã Chiềng Khương	15.690	
64	Xã Mường Hung	18.960	
65	Xã Chiềng Khoang	19.350	
66	Xã Mường Là	14.190	
67	Xã Nậm Ty	15.790	
68	Xã Sốp Cộp	24.630	
69	Xã Púng Bính	18.770	
70	Xã Mường Lạn	17.320	
71	Xã Mường Lèo	18.680	
72	Xã Vân Hồ	18.810	
73	Xã Song Khủa	15.430	
74	Xã Tô Múa	14.070	
75	Xã Xuân Nha	16.160	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026
nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 4)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2026;

Xét Tờ trình số 511/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 113/BC-KTNS ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 4), như sau:

1. Phân bổ các nguồn vốn được phân cấp cho ngân sách các xã, phường, bao gồm:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 202.460 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 378.800 triệu đồng.

(có Biểu chi tiết số 01 và 02 kèm theo)

2. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn bội chi ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh), như sau:

2.1. Tổng kế hoạch vốn phân bổ: 3.330 triệu đồng.

2.2. Phương án phân bổ: Phân bổ chi tiết 3.330 triệu đồng thực hiện dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Sơn La.

(có Biểu chi tiết số 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

Biểu số 01
PHÂN BỐ NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Xã, phường	Kế hoạch vốn năm 2026	Ghi chú
	Tổng số	202.460	
1	Phường Tô Hiệu	2.490	
2	Phường Chiềng An	2.280	
3	Phường Chiềng Cơi	2.250	
4	Phường Chiềng Sinh	2.160	
5	Phường Mộc Châu	2.220	
6	Phường Mộc Sơn	1.870	
7	Phường Vân Sơn	1.850	
8	Phường Thảo Nguyên	1.940	
9	Xã Đoàn Kết	2.670	
10	Xã Lóng Sập	2.680	
11	Xã Chiềng Sơn	2.560	
12	Xã Tân Yên	2.390	
13	Xã Quỳnh Nhai	3.430	
14	Xã Mường Chiên	2.880	
15	Xã Mường Giôn	2.740	
16	Xã Mường Sại	2.100	
17	Xã Thuận Châu	3.520	
18	Xã Chiềng La	2.460	
19	Xã Nậm Lầu	3.130	
20	Xã Muối Nọi	2.530	
21	Xã Mường Khiêng	3.490	
22	Xã Co Mạ	3.010	
23	Xã Bình Thuận	2.130	
24	Xã Mường É	2.590	
25	Xã Long Hẹ	2.290	

STT	Xã, phường	Kế hoạch vốn năm 2026	Ghi chú
26	Xã Mường Bám	2.290	
27	Xã Mường La	3.560	
28	Xã Chiềng Lao	3.200	
29	Xã Mường Bú	3.130	
30	Xã Chiềng Hoa	3.210	
31	Xã Ngọc Chiến	2.530	
32	Xã Bắc Yên	2.990	
33	Xã Tà Xùa	2.740	
34	Xã Tạ Khoa	2.590	
35	Xã Xím Vàng	2.590	
36	Xã Pắc Ngà	2.430	
37	Xã Chiềng Sại	2.020	
38	Xã Phù Yên	3.260	
39	Xã Gia Phù	2.400	
40	Xã Tường Hạ	2.280	
41	Xã Mường Cơi	2.380	
42	Xã Mường Bang	2.830	
43	Xã Tân Phong	2.230	
44	Xã Kim Bôn	2.310	
45	Xã Suối Tọ	2.360	
46	Xã Yên Châu	3.310	
47	Xã Yên Sơn	2.560	
48	Xã Phiêng Khoài	2.480	
49	Xã Chiềng Hạc	2.680	
50	Xã Lóng Phiêng	2.470	
51	Xã Chiềng Mai	2.600	
52	Xã Mai Sơn	2.780	
53	Xã Chiềng Sung	2.240	
54	Xã Tà Hộc	2.100	
55	Xã Phiêng Păn	3.760	

STT	Xã, phường	Kế hoạch vốn năm 2026	Ghi chú
56	Xã Chiềng Mung	2.480	
57	Xã Phiêng Cằm	3.280	
58	Xã Mường Chanh	1.960	
59	Xã Bó Sinh	2.640	
60	Xã Sông Mã	2.700	
61	Xã Huổi Một	2.660	
62	Xã Chiềng Sơ	2.300	
63	Xã Chiềng Khương	2.790	
64	Xã Mường Hung	3.370	
65	Xã Chiềng Khoong	3.440	
66	Xã Mường Lầm	2.520	
67	Xã Nậm Ty	2.800	
68	Xã Sốp Cộp	4.370	
69	Xã Púng Bính	3.330	
70	Xã Mường Lạn	3.080	
71	Xã Mường Lèo	3.320	
72	Xã Vân Hồ	3.340	
73	Xã Song Khủa	2.740	
74	Xã Tô Múa	2.500	
75	Xã Xuân Nha	2.870	

Biểu số 02
PHÂN BỐ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (THEO PHÂN CẤP)
CHO NGÂN SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Xã, phường	Kế hoạch vốn năm 2026	Ghi chú
	Tổng số	378.800	
1	Phường Tô Hiệu	30.600	
2	Phường Chiềng An	2.635	
3	Phường Chiềng Cơi	21.165	
4	Phường Chiềng Sinh	20.060	
5	Phường Mộc Châu	15.725	
6	Phường Mộc Sơn	14.875	
7	Phường Vân Sơn	114.750	
8	Phường Thảo Nguyên	88.448	
9	Xã Đoàn Kết	136	
10	Xã Chiềng Sơn	178	
11	Xã Tân Yên	119	
12	Xã Quỳnh Nhai	433	
13	Xã Mường Chiên	89	
14	Xã Thuận Châu	892	
15	Xã Bình Thuận	60	
16	Xã Mường É	178	
17	Xã Mường La	425	
18	Xã Mường Bú	642	
19	Xã Ngọc Chiến	595	
20	Xã Bắc Yên	1.870	
21	Xã Tạ Khoa	2.380	
22	Xã Phù Yên	2.890	
23	Xã Yên Châu	2.584	
24	Xã Yên Sơn	510	
25	Xã Phiêng Khoài	1.445	
26	Xã Chiềng Hặc	255	

STT	Xã, phường	Kế hoạch vốn năm 2026	Ghi chú
27	Xã Lóng Phiêng	510	
28	Xã Chiềng Mai	892	
29	Xã Mai Sơn	6.443	
30	Xã Chiềng Sung	298	
31	Xã Tà Hộc	298	
32	Xã Phiêng Păn	179	
33	Xã Chiềng Mung	1.250	
34	Xã Phiêng Cằm	119	
35	Xã Mường Chanh	298	
36	Xã Sông Mã	7.055	
37	Xã Sốp Cộp	1.445	
38	Xã Vân Hồ	35.700	
39	Xã Song Khùa	255	
40	Xã Tô Múa	119	

Biểu số 03
PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn năm 2026	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn nước ngoài					
					Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền việt				
						Tổng số	Trong đó			
				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					
	TỔNG SỐ			348.727		260.892	234.803	26.089	3.330	
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	362 27/2/2024	348.727	1.622 triệu Yên	260.892	234.803	26.089	3.330	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com